

Số: 3493/BTC-CST
V/v thuế GTGT và thuế XK
xi măng

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2018

Kính gửi: Công ty xi măng Nghi Sơn

Trả lời công văn số 30/NCCC ngày 12/02/2018 của Công ty xi măng Nghi Sơn về vướng mắc liên quan đến Nghị định số 146/2017/NĐ-CP và Nghị định 125/2017/NĐ-CP về thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế xuất khẩu xi măng, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“1. Khoản 11 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.

Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên trừ các trường hợp sau:

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng.

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng.

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu chính không phải là tài nguyên, khoáng sản (tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác) do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến thành sản phẩm xuất khẩu thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng.

Tài nguyên, khoáng sản quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật thuế giá trị gia tăng là tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc trong nước gồm: Khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên; khí than.

Trị giá tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến được xác định như sau: Đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên, khoáng sản không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi khai thác đến nơi chế biến; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến tiếp là giá thực tế mua không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi mua đến nơi chế biến.

Chi phí năng lượng gồm: Nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng.

Tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định căn cứ vào quyết toán năm trước và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu. Trường hợp năm đầu tiên xuất khẩu sản phẩm thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo phương án đầu tư và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu; trường hợp không có phương án đầu tư thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo thực tế của sản phẩm xuất khẩu.”

Đề nghị Công ty căn cứ quy định nêu trên và thực tế quy trình sản xuất xi măng của Công ty để thực hiện. Trường hợp sản phẩm xi măng xuất khẩu của Công ty xi măng Nghi Sơn được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản thuộc các trường hợp loại trừ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP thì sản phẩm xi măng xuất khẩu của Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế GTGT.

Trường hợp sản phẩm xi măng xuất khẩu của Công ty được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản không thuộc các trường hợp loại trừ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP thì phải xác định tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng so với giá thành sản xuất sản phẩm và nếu sản phẩm xi măng xuất khẩu có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên thì sản phẩm xi măng xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

2. Về thuế xuất khẩu

- Tại nhóm hàng có số thứ tự (STT) 211 của Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan quy định: “Vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm (gọi chung là hàng hóa) không quy định ở trên có giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên.”

- Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 125/2017/NĐ-CP quy định:

“Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 4. Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục mặt hàng chịu thuế

1. Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục mặt hàng chịu thuế quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này gồm mã hàng, mô tả hàng hoá, mức thuế suất

thuế xuất khẩu quy định cho từng nhóm mặt hàng, mặt hàng chịu thuế xuất khẩu. Đối với các mặt hàng thuộc nhóm hàng có số thứ tự (STT) 211 tại Biểu thuế xuất khẩu khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan kê khai tên hàng và mã hàng của mặt hàng đó theo mã hàng 08 chữ số tương ứng với mã hàng 08 chữ số của mặt hàng đó trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi và ghi mức thuế suất thuế xuất khẩu là 5%. Các mặt hàng xuất khẩu thuộc nhóm có STT 211 là các mặt hàng đáp ứng đồng thời cả 02 điều kiện sau:

a) Điều kiện 1: Vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm (gọi chung là hàng hoá) không thuộc các nhóm có STT từ 01 đến STT 210 tại Biểu thuế xuất khẩu.

b) Điều kiện 2: Có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên. Việc xác định tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thực hiện theo quy định tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)."

- Ngày 15/12/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ. Vì vậy việc xác định điều kiện thứ 2 căn cứ theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP.

Trường hợp mặt hàng xi măng xuất khẩu của Công ty thuộc các trường hợp loại trừ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP thì mặt hàng xi măng không thuộc nhóm hàng có STT 211 tại Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP.

Trường hợp mặt hàng xi măng xuất khẩu của Công ty không thuộc các trường hợp loại trừ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP thì phải xác định tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng so với giá thành sản xuất sản phẩm và nếu sản phẩm xi măng xuất khẩu có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên theo cách xác định quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 146/2017/NĐ-CP thì khi xuất khẩu, mặt hàng xi măng được phân loại vào nhóm hàng có STT 211 của Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP và áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu là 5%.

Bộ Tài chính có ý kiến đề Công ty được biết, thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Vụ PC; TCHQ; ✓
- Lưu: VT, CST.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH THUẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hằng